

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP TÀI NGUYÊN

Địa chỉ: Số 61, Ngõ 562 Đường Láng, Láng Hạ

Hàng: Đ. Hà Nội
SỐ GIẤY CHỨNG KHOÁN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 6045

Giờ: Ngày 15 tháng 01 năm 2011

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2010	Quý này năm trước	Năm 2010	Năm 2009
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	47,657,297,071	5,588,633,507	74,627,815,890	6,993,178,962
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		246,906,731		246,906,731
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.27	47,657,297,071	5,341,726,776	74,627,815,890	6,746,272,231
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	47,708,673,400	2,531,442,061	64,423,496,309	2,531,442,061
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(51,376,329)	2,810,284,715	10,204,319,581	4,214,830,170
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	498,001,161	782,315,645	14,213,036,297	1,243,447,472
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.30	92,019,461	30,810,651	197,016,797	38,130,339
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		92,019,461	30,810,651	197,016,797	38,130,339
8. Chi phí bán hàng	24		-	49,538,257	27,192,000	49,538,257
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		594,303,326	1,375,414,001	3,299,898,825	1,903,355,812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		(239,697,955)	2,136,837,451	20,893,248,256	3,467,253,234
11. Thu nhập khác	31		3,371,513	(5,500)	1,053,919,688	5,500
12. Chi phí khác	32		131,397,780	-	1,291,978,055	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(128,026,267)	(5,500)	(238,058,367)	5,500
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty Liên doanh, Liên kết	45		(551,186,673)	(888,064,199)	(949,820,688)	(888,064,199)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(918,910,895)	1,248,767,752	19,705,369,201	2,579,194,535
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	9,443,778	93,086,790	5,458,733,004	325,911,477
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32				
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(928,354,673)	1,155,680,962	14,246,636,197	2,253,283,058
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		14,901,189		(13,416,295)	
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(943,255,862)	1,155,680,962	14,260,052,492	2,253,283,058
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(111)	279	1,678	503

Người lập
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 15 tháng 01 năm 2011

T. Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Vũ Thị Hồng Nhung

Chu Thị Thanh Vân



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Gia Long